Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2905.31.00

Mã HS	2905.31.00
Mô tả hàng hóa	Rượu mạch hở và các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của chúng / - Rượu hai chức: / - - Etylen glycol (ethanediol)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	06/11/2026 01:03:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29053100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3927
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3927
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3927
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-CN)	0% (trừ CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3871
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3832
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3832
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3832
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3832
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3832
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3832
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3870
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3870

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3870
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3870
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3870
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3870
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3874
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3874
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3874
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3874
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3874
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3874
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3874
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3838
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3834
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3834
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3834
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3834
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3834
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3834
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3834
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3834
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3834
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3834
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3834
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3834
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3881
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3881

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3881
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3881
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3881
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3881
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3878
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3878
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3878
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3878
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3878
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3878
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3886
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3886
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3886
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3886
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3886
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3886
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3857
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3857
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3857
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3857
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3857
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3857
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3859
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3859
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3859
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3859

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3859
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3859
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3857
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3857
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3857
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3857
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3857
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3857
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3857
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3878
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3878
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3878
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3878
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3878
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3878
RCEP B	2022	2022	0	B!D3878
RCEP B	2023	2023	0	B!E3878
RCEP B	2024	2024	0	B!F3878
RCEP B	2025	2025	0	B!G3878
RCEP B	2026	2026	0	B!H3878
RCEP B	2027	2027	0	B!I3878
RCEP C	2022	2022	0	C!D3878
RCEP C	2023	2023	0	C!E3878
RCEP C	2024	2024	0	C!F3878
RCEP C	2025	2025	0	C!G3878
RCEP C	2026	2026	0	C!H3878

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3878
RCEP D	2022	2022	0	D!D3878
RCEP D	2023	2023	0	D!E3878
RCEP D	2024	2024	0	D!F3878
RCEP D	2025	2025	0	D!G3878
RCEP D	2026	2026	0	D!H3878
RCEP D	2027	2027	0	D!I3878
RCEP E	2022	2022	0	E!D3881
RCEP E	2023	2023	0	E!E3881
RCEP E	2024	2024	0	E!F3881
RCEP E	2025	2025	0	E!G3881
RCEP E	2026	2026	0	E!H3881
RCEP E	2027	2027	0	E!I3881
RCEP F	2022	2022	0	F!D3878
RCEP F	2023	2023	0	F!E3878
RCEP F	2024	2024	0	F!F3878
RCEP F	2025	2025	0	F!G3878
RCEP F	2026	2026	0	F!H3878
RCEP F	2027	2027	0	F!I3878
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3560
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3560
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3560
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3560

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2905.31.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2905.31.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3927), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.